TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐD** TỈNH LĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 80/2021/QĐST - DS	*ĐD, ngày 13 tháng 10 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 và các Điều 146, 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 1236/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 05 tháng 10 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 124/2021/TLST - DS ngày 04 tháng 8 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1.Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị C, sinh năm: 1966; Địa chỉ: 204 thôn KĐ, xã KĐ, huyện ĐD, tỉnh LĐ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị C: ông Phạm Văn Q, sinh năm 1955, địa chỉ: thôn ĐS, xã NG, huyện ĐT, tỉnh LĐ.

Bị đơn: Bà MT, sinh năm: 1982; Địa chỉ: thôn KĐ, xã KĐ, huyện ĐD, tỉnh LĐ.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Bà MT có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Án phí của vụ án này là 12.000.000 đồng. Ông Nguyễn Văn Q và bà MT thỏa thuận mỗi bên chịu ½ số tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn thỏa thuận nhận chịu thay cho bà Nguyễn Thị C số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 6.000.000 đồng. Đối với khoản tiền án phí bị đơn phải chịu thì bà MT là đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên theo quy định tại Điểm đ Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội bà T được miễn số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 6.000.000 đồng. Do vậy bị đơn còn phải nộp 6.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị C 12.926.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006589 ngày 04/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐD.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh LĐ;
- VKSND huyện ĐD;
- Chi cục THADS huyện ĐD;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Đình Anh Vũ